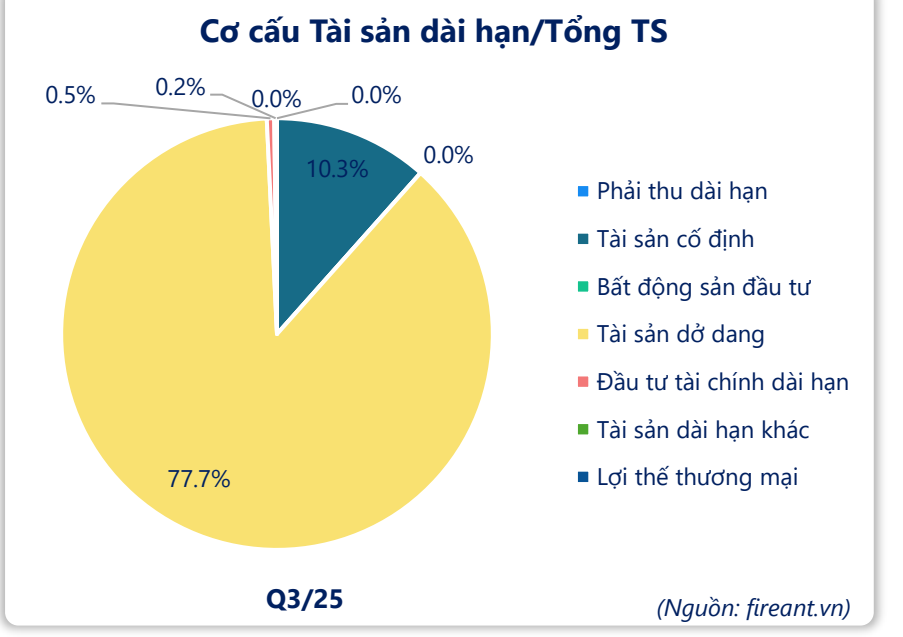
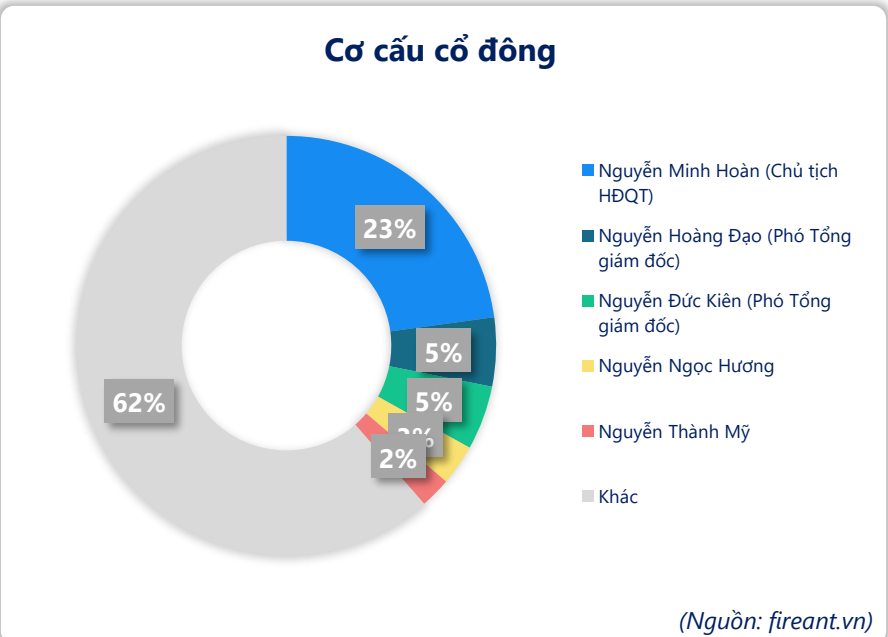
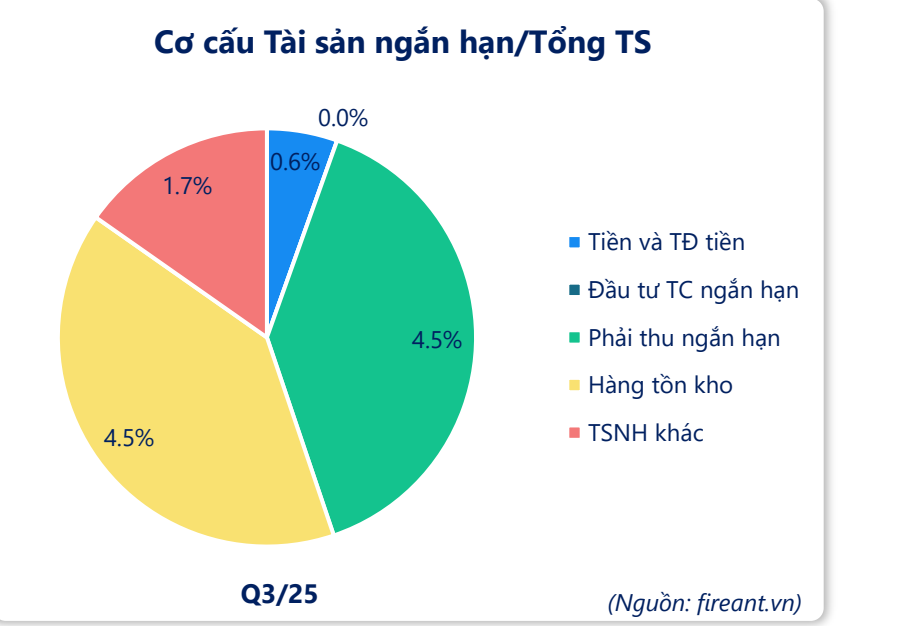
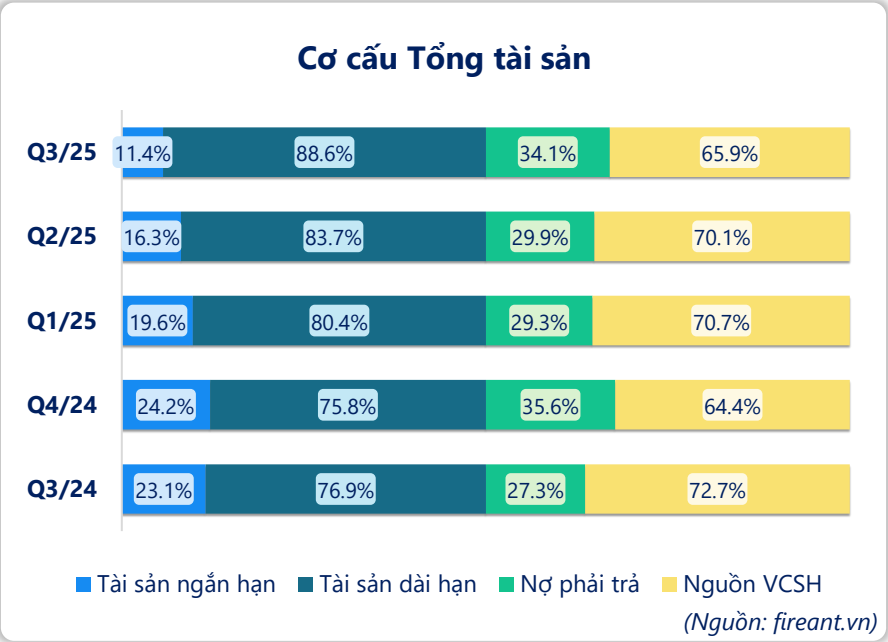
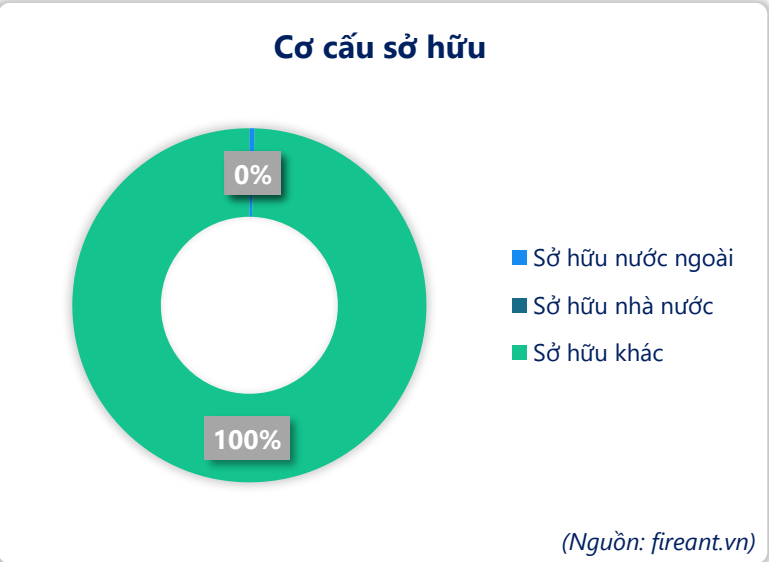
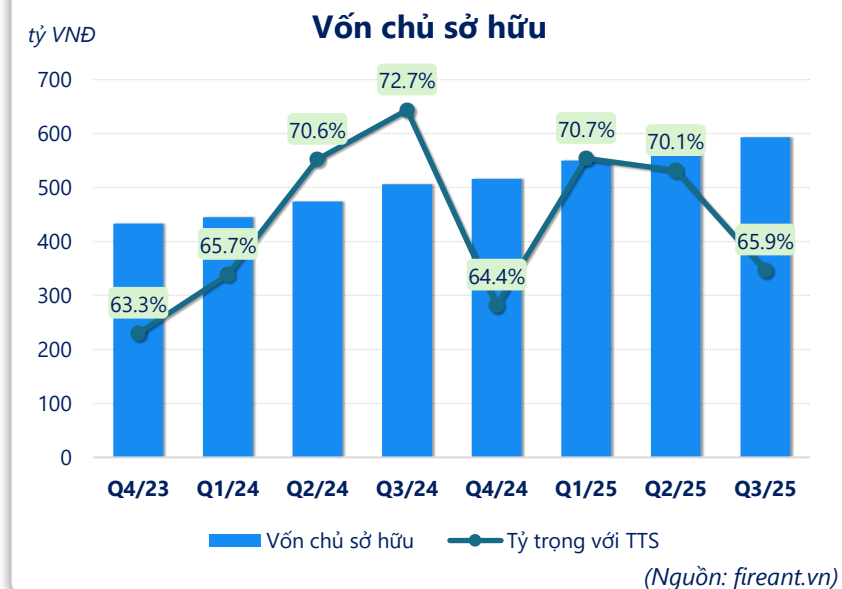
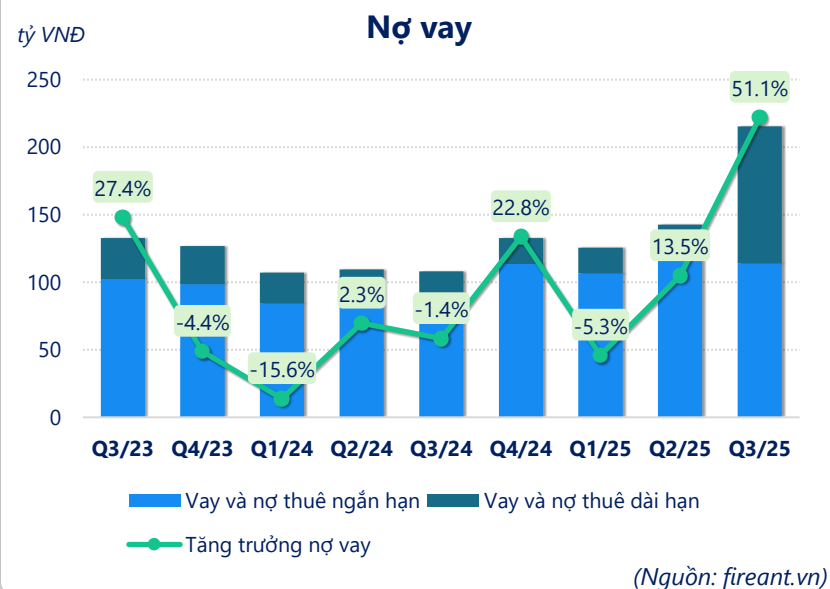
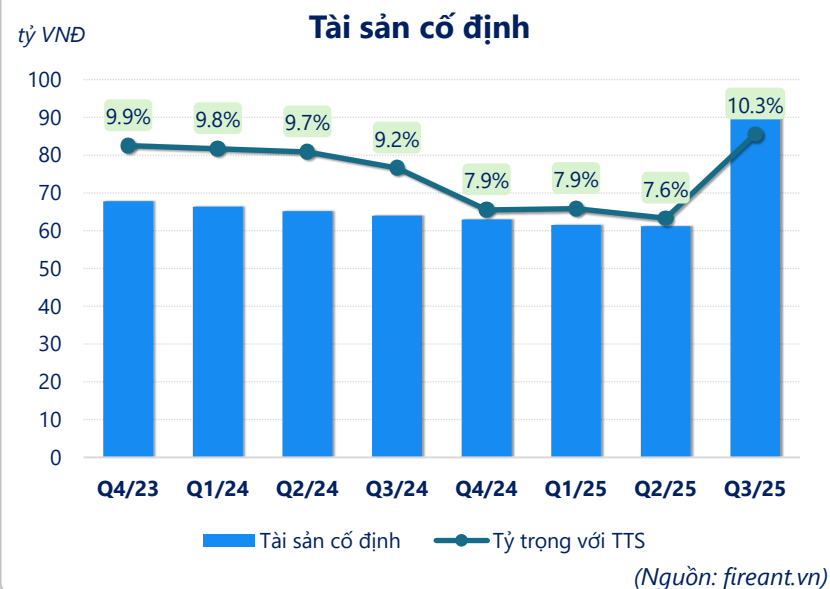
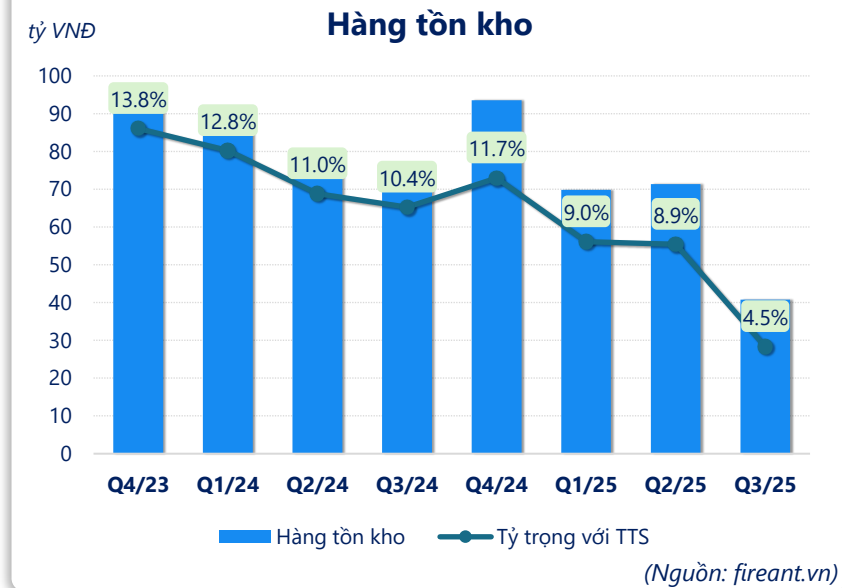
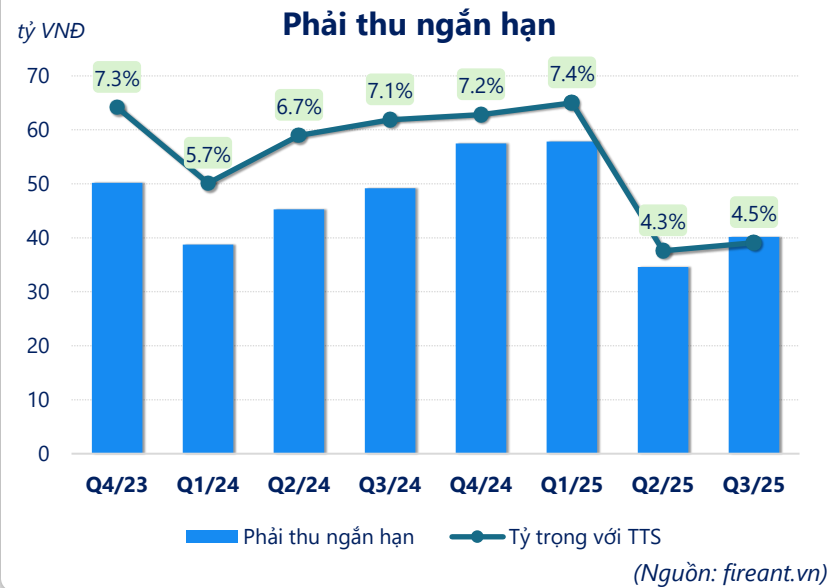
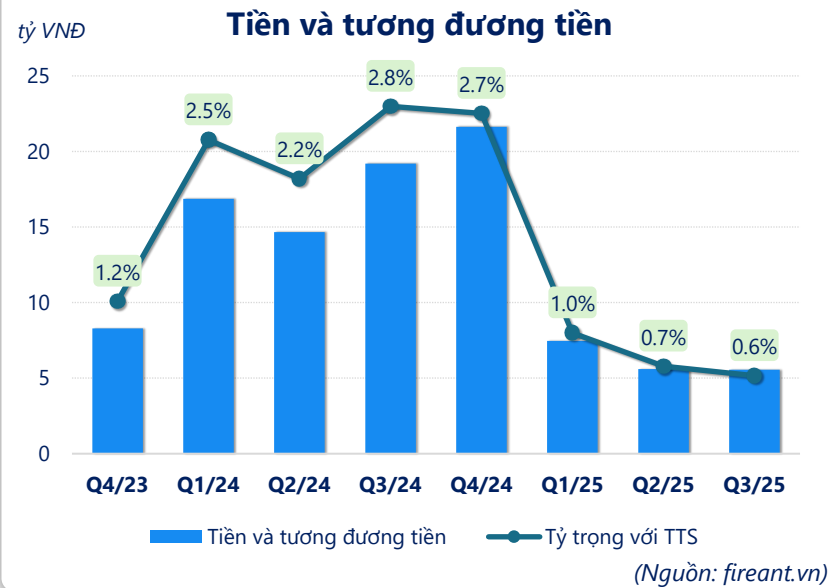
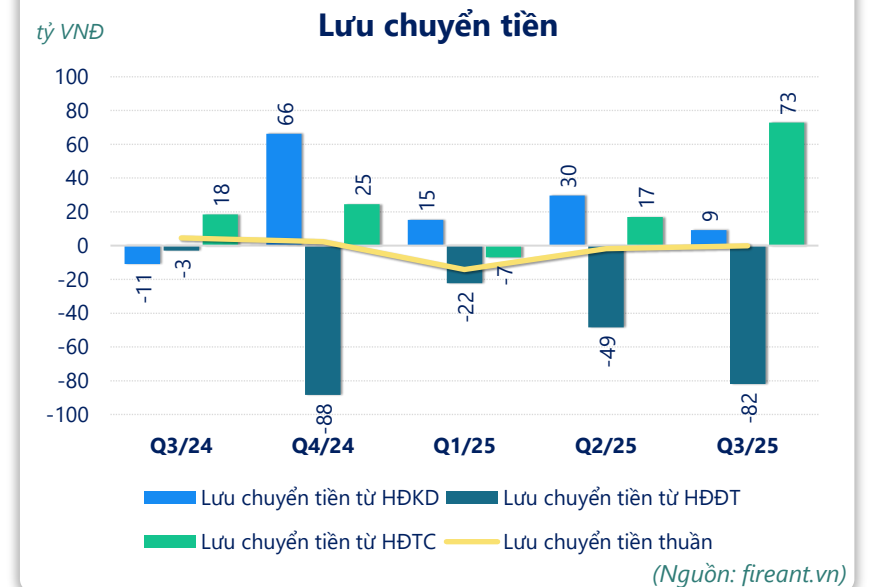
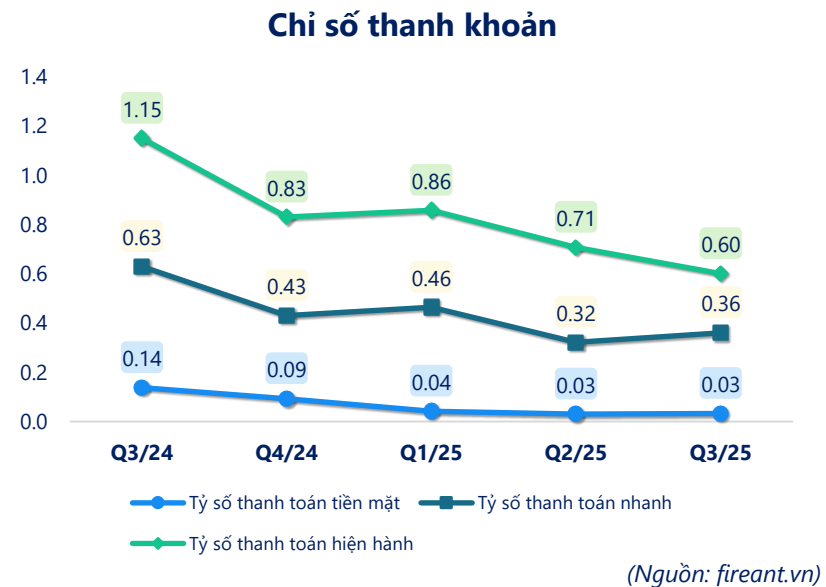
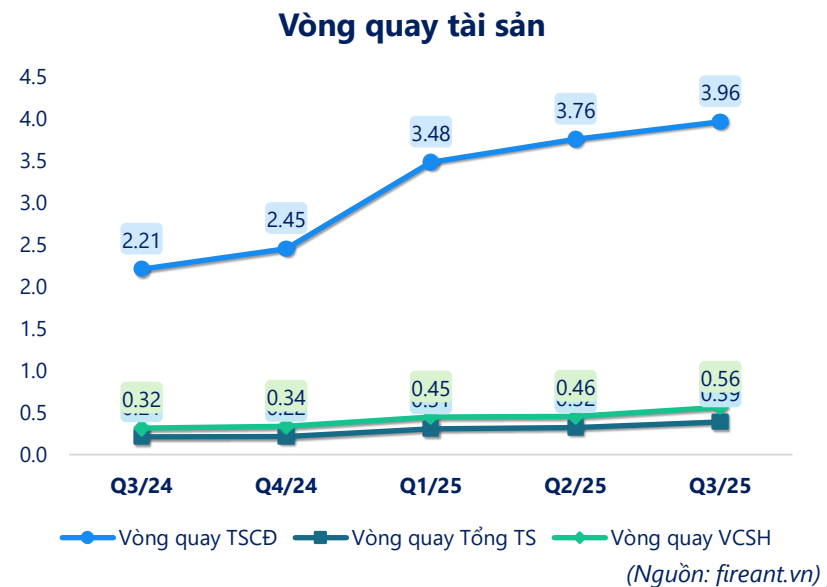
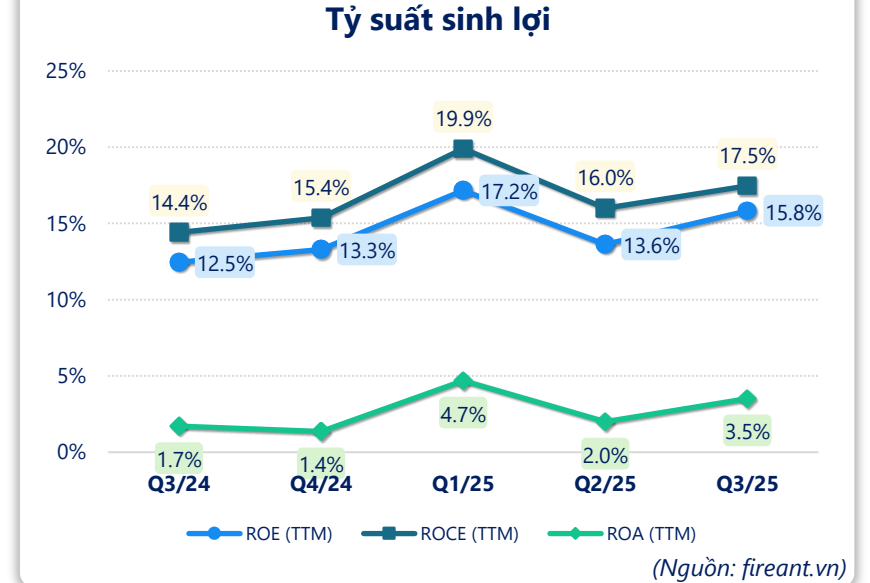
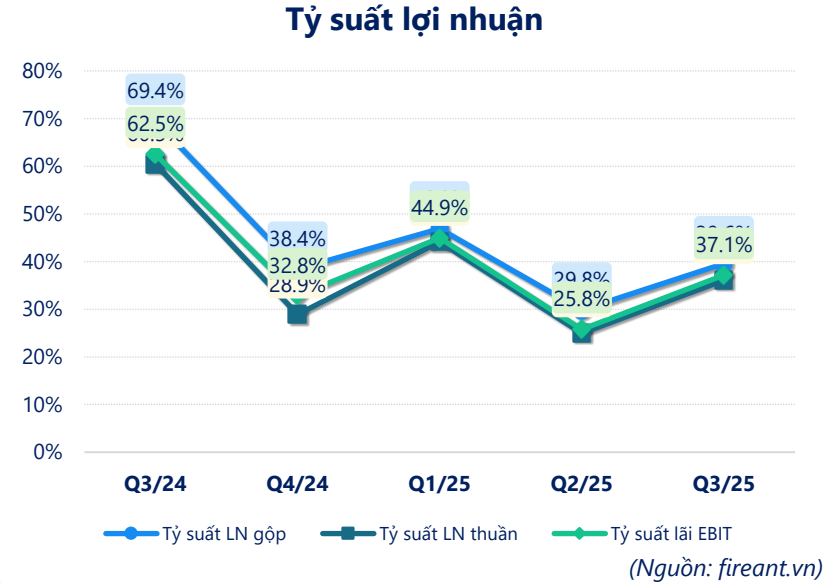
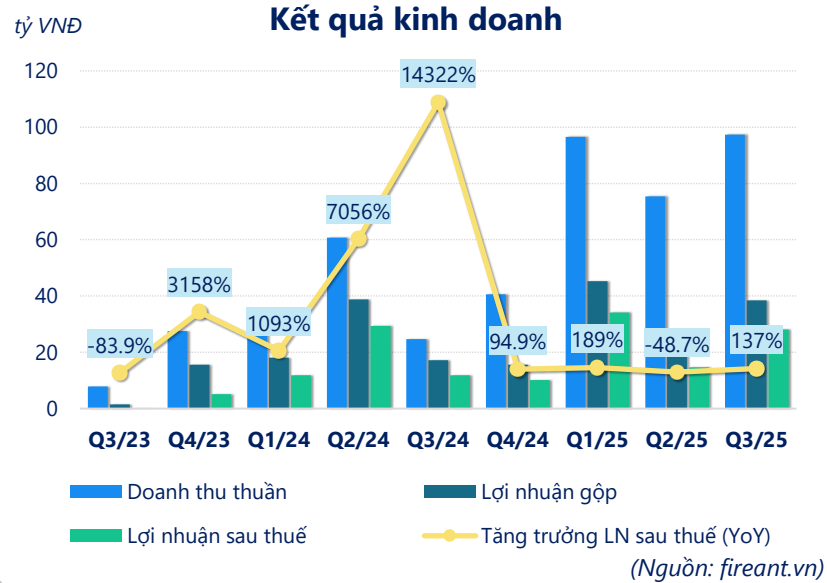


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		22,350
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		27,650
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		17,500
SL cổ phiếu LH		48,591,709
KLGD BQ 20 phiên (CP)		757,150
% sở hữu nước ngoài		0.5%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		1,086
P/E		12.5
EPS		1,790

	YTD	1T	3T	6T
NHA	-12.2%	-9.9%	9.6%	-5.1%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	899	801	12.3%
Tài sản ngắn hạn	102	194	-47.4%
Tiền và tương đương tiền	5.57	21.6	-74.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	40.2	57.4	-29.9%
Hàng tồn kho	40.8	93.5	-56.4%
Tài sản ngắn hạn khác	15.6	21.5	-27.5%
Tài sản dài hạn	797	607	31.4%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	92.4	63.0	46.7%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	699	539	29.6%
Đầu tư tài chính dài hạn	4.42	4.55	-2.7%
Tài sản dài hạn khác	1.61	0.06	2811%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	306	285	7.6%
Nợ ngắn hạn	170	234	-27.3%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	114	113	0.2%
Phải trả người bán ngắn hạn	26.7	16.0	67.0%
Nợ dài hạn	136	50.9	168%
Vay và nợ thuê dài hạn	102	19.2	430%
Nguồn vốn chủ sở hữu	593	516	14.9%
Vốn chủ sở hữu	593	516	14.9%
Vốn điều lệ	486	442	10.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	24.7	40.6	96.6	75.4	97.3
Giá vốn hàng bán	7.54	25.0	51.3	52.9	58.8
Lợi nhuận gộp	17.1	15.6	45.3	22.5	38.5
Doanh thu HĐTC	0.01	0.02	0.01	0.01	0.04
Chi phí TC	0.59	1.86	0.79	1.05	1.02
Chi phí lãi vay	0.59	0.69	0.79	0.93	1.02
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	1.64	2.03	1.86	2.64	2.40
LN thuần từ HĐKD	14.9	11.7	42.6	18.8	35.1
Lợi nhuận khác	-0.09	0.91	-0.01	-0.32	-0.01
LN trước thuế	14.8	12.6	42.6	18.5	35.1
Lợi nhuận sau thuế	11.9	10.1	34.1	14.7	28.1
LNST của CĐ cty mẹ	11.9	10.1	34.1	14.7	28.1

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-11.0	66.3	15.2	29.6	9.22
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-2.98	-88.5	-22.3	-48.5	-82.0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	18.5	24.6	-7.00	17.0	72.8
Tiền đầu kỳ	14.7	19.2	21.6	7.47	5.60
Lưu chuyển tiền thuần	4.54	2.44	-14.2	-1.87	-0.03
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	19.2	21.6	7.47	5.60	5.57

(Nguồn: fireant.vn)